# QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HÓA ĐỐI VỚI HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM


**Russin & Vecchi**

**Thành phố Hồ Chí Minh**
Tòa nhà Vietcombank, Tầng 14
5 Công Trường Mê Linh, Q1
Điện thoại: (84-28) 3824-3026
E-mail: lawyers@russinvecchi.com.vn

**Hà Nội**
Tòa nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, Tầng 11
44B Lý Thường Kiệt
Điện thoại: (84-24) 3825-1700
E-mail: lawyers@russinvecchi.com.vn

www.russinvecchi.com.vn

Bản quyền Russin © & Vecchi, LLC 2025

# MỤC LỤC

THUẬT NGỮ ..... ii

A. TỔNG QUAN ..... 3

B. QUY TẮC XUẤT XỨ VIỆT NAM ..... 4

1. Quy tắc chung ..... 4

2. Quy tắc xuất xứ thủ tục ..... 7

C. QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI ..... 8

1. Quy tắc xuất xứ theo CPTPP ..... 8

2. Quy tắc xuất xứ theo EVFTA ..... 11

D. KẾT THÚC ..... 14

Bản quyền Russin © & Vecchi, LLC 2025

# THUẬT NGỮ

| | |
|---|---|
| BCT | Bộ Công Thương |
| CPTPP | Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| Danh mục PSR | Danh Mục Quy tắc cụ thể mặt hàng |
| EVFTA | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu |
| GCNXXHH | Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa |
| Phương pháp CTC | Phương pháp chuyển đổi mã số hàng hóa |
| Phương pháp LVC | Phương pháp tỷ lệ phần trăm giá trị |
| QTXXHH | Quy tắc xuất xứ hàng hóa |
| RVC | Hàm lượng giá trị khu vực |
| RWP | Danh sách công việc hoặc xử lý bắt buộc |

## A. TỔNG QUAN

Quy tắc xuất xứ hàng hóa ("**QTXXHH**") là những tiêu chí để xác định nguồn gốc xuất xứ của một sản phẩm hàng hóa. Xuất xứ hàng hóa rất quan trọng vì thuế quan và các hạn chế thương mại (ví dụ: thuế chống bán phá giá, các biện pháp tự vệ, yêu cầu dán nhãn, v.v.) thường phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Việc áp dụng QTXXHH mỗi quốc gia là khác nhau. Do đó, điều quan trọng đối với các nhà xuất nhập khẩu hàng hóa và sản phẩm vào/ra khỏi Việt Nam là phải có hiểu biết chung về QTXXHH từ góc độ pháp luật Việt Nam.

Nhìn chung, hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu giữa Việt Nam và một quốc gia trong hiệp định thương mại tự do với Việt Nam ("**FTA của Việt Nam**") phải tuân theo một bộ QTXXHH ưu đãi trong mỗi FTA (hoặc "**QTXXHH Ưu Đãi**"). Đối với một quốc gia không có FTA với Việt Nam (hoặc "các quốc gia không ưu đãi"), QTXXHH Ưu Đãi sẽ không được áp dụng. Trong những trường hợp như vậy, QTXXHH theo quy định của pháp luật Việt Nam ("**QTXXHH Việt Nam**") sẽ rất quan trọng đối với quốc gia của nhà nhập khẩu nước ngoài. Để làm rõ, các quốc gia không ưu đãi (như Mỹ) có thể không nhất thiết phải dựa vào QTXXHH của Việt Nam. Tuy nhiên, QTXXHH Việt Nam vẫn có thể được "xem xét một cách hợp lý" bởi các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trong quá trình điều tra nguồn gốc xuất xứ hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam.

Đáng chú ý, đối với hàng hóa được sản xuất và bán trong phạm vi Việt Nam, hiện nay chưa có khung pháp lý để xác định nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa nội địa đó. Cụ thể, chưa có một bộ điều kiện/tiêu chuẩn cụ thể được đưa ra để xác định liệu một sản phẩm được dán nhãn "sản xuất tại Việt Nam" (được sản xuất cho thị trường nội địa Việt Nam) có phù hợp với QTXXHH của chính Việt Nam hay không. Điều thú vị là yêu cầu về một quy định riêng về QTXXHH áp dụng cho hàng hóa nội địa Việt Nam lần đầu tiên được đưa ra vào năm 2019 (do Bộ Công Thương đề xuất tại một dự thảo thông tư). Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có văn bản pháp lý nào được Chính phủ Việt Nam ban hành liên quan đến vấn đề này. Ngày 10/01/2024, phương án cụ thể nghiên cứu, xây dựng một Bộ tiêu chí xác định sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam hoặc "sản xuất tại Việt Nam" đã được Thủ tướng Chính phủ vạch ra theo Công văn số 41/TTg-QHDP về việc thực hiện Nghị quyết Quốc hội khóa 15. Bộ tiêu chí này dự kiến sẽ chỉ được ban hành vào cuối năm 2025 dưới hình thức một Nghị định mới của Chính Phủ. Trong thời điểm hiện tại, các nhà chức trách đã đưa ra một tín hiệu thận trọng về vấn đề này. Cụ thể, Bộ Tài chính đã ban hành công văn vào tháng 02/2021 (Công văn số 1523/BTC-TCHQ ngày 18/02/2021) hướng dẫn cơ quan hải quan ghi xuất xứ trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu trong trường hợp sản phẩm không đáp ứng tiêu chí xuất xứ Việt Nam, cụ thể là nhà xuất khẩu sẽ không được khai xuất xứ sản phẩm của mình là "sản xuất tại Việt Nam" trong tờ khai hải quan của mình.

Nhằm mục đích của bài viết này, chúng tôi thảo luận về các quy tắc/thủ tục chung theo QTXXHH Việt Nam và hai QTXXHH Ưu Đãi đáng chú ý, đó là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương ("**CPTPP**") và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu ("**EVFTA**"). Bối cảnh là một nhà xuất khẩu

xuất khẩu hàng hóa/sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam và bán ra các nước khác nhau. Chúng ta cũng sẽ xem xét một số ví dụ cụ thể.

## B. QTXXHH của Việt Nam

Các quy định về QTXXHH của Việt Nam được quy định trong các văn bản pháp luật sau:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngoại thương về xuất xứ hàng hóa ("**Nghị định 31**");
- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 được sửa đổi bởi Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa (gọi chung là "**Thông tư 05**"); và
- Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính quy định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ("**Thông tư 33**").

### 1. Quy tắc chung

Nói chung, QTXXHH của Việt Nam quy định rằng một hàng hóa/sản phẩm được coi là có nguồn gốc từ Việt Nam nếu:

(i) có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại tại Việt Nam (bao gồm: cây trồng, sản phẩm từ cây trồng được trồng/ thu hoạch tại Việt Nam; động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại Việt Nam hoặc sản phẩm từ động vật sống đó;...);

(ii) có xuất xứ không thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại Việt Nam, nhưng đáp ứng các yêu cầu theo Danh Mục Quy tắc cụ thể mặt hàng ("**Danh mục PSR**") do Bộ Công Thương ("**BCT**") ban hành theo Thông tư 05:

a. Phải có sự thay đổi về mã HS của hàng hóa (**phương pháp CTC**). Điều này có nghĩa là các vật liệu đầu vào (không có xuất xứ từ Việt Nam) được sử dụng trong sản xuất hàng hóa không được có cùng phân loại mã HS (ví dụ: cấp Chương, Cấp nhóm hoặc Cấp nhóm phụ) giống mã HS của sản phẩm cuối cùng (được sản xuất từ các vật liệu đó). Tùy thuộc vào từng loại hàng hóa, một sản phẩm sẽ phải trải qua sự thay đổi về cấp Chương (2 chữ số đầu tiên của mã HS hay còn gọi là cấp CC), cấp nhóm (4 chữ số đầu tiên của mã HS hay còn gọi là cấp CTH) hoặc cấp phân nhóm (6 chữ số đầu tiên của mã HS hay còn gọi là cấp CTSH) để đủ điều kiện là hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam.

Nếu một hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về CTC theo Danh mục PSR, hàng hóa đó vẫn có thể được coi là có xuất xứ tại Việt Nam, miễn là hàng hóa đó đáp ứng quy tắc về tỷ lệ nguyên liệu không đáp ứng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hóa (De Minimis):

- Nếu hàng hóa có mã HS không thuộc từ Chương 50 đến Chương 63: trị giá của tất cả nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa mà không đáp ứng yêu cầu về CTC không được vượt quá 15% trị giá FOB của hàng hóa; hoặc

- Nếu hàng hóa có mã HS thuộc từ Chương 50 đến Chương 63: (a) tổng trọng lượng của tất cả nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa mà không đáp ứng yêu cầu về CTC không được vượt quá 15% tổng trọng lượng của hàng hóa hoặc (b) tổng giá trị của tất cả nguyên liệu không có xuất xứ được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa mà không đáp ứng yêu cầu về CTC không được vượt quá 15% giá trị FOB.

hoặc

b. Một tỷ lệ nhất định giá trị hàng hóa phải có nguồn gốc từ Việt Nam để hàng hóa được coi là có xuất xứ tại Việt Nam (**Phương pháp tỷ lệ phần trăm giá trị hoặc LVC**). LVC được coi là một phần của giá trị gia tăng khi so sánh với tổng giá trị của hàng hóa sản xuất, gia công tại Việt Nam và sau khi trừ đi giá trị của nguyên liệu nhập khẩu không có xuất xứ từ Việt Nam hoặc giá trị của nguyên liệu không xác định được nguồn gốc xuất xứ. LVC cần thiết để phần lớn hàng hóa được coi là có xuất xứ từ Việt Nam là 30% (theo Danh mục PSR).

Có hai cách tiếp cận có thể được sử dụng để tính toán LVC (tức là công thức trực tiếp và gián tiếp). Nhà sản xuất có thể chọn một công thức để tính LVC trong mỗi năm tài chính và các cơ quan chức năng sẽ xác định nguồn gốc của hàng hóa dựa trên công thức mà họ chọn.

Thông thường, một Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng quy định các quy tắc xuất xứ cụ thể cho một số sản phẩm nhất định, cho phép lựa chọn hoặc kết hợp hai phương pháp trên nếu chúng đáp ứng các tiêu chí tương ứng được chỉ định cho từng sản phẩm. Theo Danh mục PSR của Nghị định 31, có hai phương thức chính được QTXXHH của Việt Nam sử dụng để quyết định nguồn gốc của hàng hóa/sản phẩm:

- Chỉ áp dụng phương pháp CTC; không áp dụng phương pháp LVC.

Ví dụ, các sản phẩm ngũ cốc (mã HS 10.01 – 10.08) sẽ phải trải qua thay đổi cấp chương (tức là thay đổi 2 chữ số đầu tiên trong mã HS, ví dụ, từ mã HS của nguyên liệu là 11 hoặc 17 thành 10) để đủ điều kiện là sản phẩm "Sản xuất tại Việt Nam". Nghĩa là, chỉ áp dụng phương pháp CTC; phương pháp LVC không áp dụng.

- Áp dụng phương pháp CTC hoặc phương pháp LVC (tức là cả hai phương pháp đều có thể được áp dụng, nhưng không áp dụng cùng một lúc).

Hãy xem xét một loại sản phẩm như bánh ngọt (mã HS 19.05). Loại sản phẩm này có thể được coi là có nguồn gốc từ Việt Nam nếu có một sự thay đổi về cấp độ nhóm (tức là có thay đổi trong 4 chữ số đầu tiên trong mã HS; ví dụ thay đổi từ mã vật liệu không có xuất xứ từ Việt Nam của nó là 17.01 và 11.01 sang sản phẩm cuối cùng là 19.05). Loại sản phẩm này cũng có thể được coi là có xuất xứ từ Việt Nam nếu có giá trị LVC là 30% (tức là 30% hàm lượng có xuất xứ từ Việt Nam).

Hãy xem một ví dụ cụ thể: Công ty A sản xuất bánh quy tại Việt Nam (mã HS 1905.31), tất cả đều từ nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, ngoại trừ đường, và dưới cấu trúc như sau:

| **Nguyên liệu thô** | **Mã HS** | **Xuất xứ** | **Giá trị (US$)** |
|---|---|---|---|
| Bột mì (không có xuất xứ Việt Nam) | 1101.00 | Trung Quốc | 4 |
| Đường (có xuất xứ Việt Nam) | 1701.14 | Việt Nam | 3 |
| Trứng (không có xuất xứ Việt Nam) | 0407.90 | Trung Quốc | 2 |
| **Lao động trực tiếp & chi phí chung** | | | 2.5 |
| **Lợi nhuận** | | | 1.5 |
| **FOB** | | | 13 |

Theo Danh mục PSR, quy tắc xuất xứ áp dụng cho bánh quy là (i) LVC 30%, hoặc (ii) CTH (tức là thay đổi cấp độ nhóm 4 số trong mã HS của sản phẩm).

***(i) Phương pháp LVC***

Có hai cách tiếp cận có thể được sử dụng để tính giá trị LVC. Mỗi cách tiếp cận có một công thức khác nhau (tức là công thức trực tiếp và gián tiếp). Nhà sản xuất có thể chọn một trong hai để tính LVC trong mỗi năm tài chính. Các cơ quan chức năng sẽ xác định nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa dựa trên công thức mà nhà sản xuất lựa chọn.

Giả sử rằng Công ty A chọn công thức gián tiếp. Đó là:

$$\text{LVC} = \frac{Trị\ giá\ FOB - Trị\ giá\ nguyên\ liệu\ đầu\ vào\ không\ có\ xuất\ xứ}{Trị\ giá\ FOB}$$

Trong đó, trị giá FOB là giá trị giao dịch của hàng hóa (ghi trên hợp đồng xuất khẩu) được điều chỉnh theo cơ sở FOB, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí phân bổ trực tiếp, lợi nhuận và các chi phí có thể xảy ra khác, nếu có (ví dụ: chi phí liên quan đến vận chuyển/vận chuyển). Trị giá nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ là trị giá của nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ từ Việt Nam được sử dụng trong sản xuất hàng hóa/sản phẩm (ví dụ: giá trị CIF của nguyên liệu nhập khẩu).

Áp dụng công thức cho ví dụ trên, chúng ta có:

$$\text{LVC} = \frac{Trị\ giá\ FOB - Trị\ giá\ nguyên\ liệu\ đầu\ vào\ không\ có\ xuất\ xứ}{Trị\ giá\ FOB} \text{ x } 100\% = \frac{13-4-2}{13} \text{ x } 100\% = 53.84\%$$

LVC của bánh quy của Công ty A là 53,84%, cao hơn LVC yêu cầu là 30% trong Danh sách PSR. Do đó, bánh quy đủ điều kiện để được coi là có xuất xứ Việt Nam theo quy định.

***(ii) Phương pháp CTC***

Dựa trên bảng trên, mã HS của bánh quy là 1905.31 (tức cấp nhóm 4 số là 1905) trong khi nguyên liệu của nó thuộc nhóm sau: bột mì (1101), đường (1701) và trứng (0407). Vì bột mì và trứng được nhập khẩu từ Trung Quốc nên chúng là những nguyên liệu không có xuất xứ Việt Nam (được dùng trong phương pháp CTC).

Theo đó, bánh quy của Công ty A sẽ được coi là có xuất xứ Việt Nam, vì đã có sự thay đổi từ cấp nhóm 1101 và 0407 (của những nguyên liệu không có xuất xứ Việt Nam) sang cấp nhóm 1905.

Ngoài các quy tắc chung nêu trên, còn có các khái niệm khác có thể áp dụng khi xác định xuất xứ hàng hóa nhập khẩu. Cụ thể, một khái niệm quan trọng là "các công đoạn gia công, chế biến đơn giản" sẽ không được xét đến khi xác định xuất xứ cho một sản phẩm. Khái niệm này bao gồm bất kỳ công đoạn nào không yêu cầu kỹ năng chuyên môn, máy móc, dây chuyền sản xuất hoặc thiết bị, chẳng hạn như lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Nghĩa là, nếu một hàng hóa/sản phẩm chỉ trải qua các công đoạn "đơn giản" hoặc tối thiểu tại Việt Nam thì sẽ không được coi là có xuất xứ từ Việt Nam, ngay cả khi về lý thuyết nó đáp ứng các quy tắc chung nêu trên. Ví dụ, một khái niệm đáng chú ý khác cho mục đích xác định xuất xứ hàng hóa là vật liệu đóng gói và  bao gói . Theo đó, trường hợp áp dụng phương pháp CTC cho một sản phẩm (theo Danh mục PSR), vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ, khi được phân loại cùng hàng hóa đó, sẽ bị bỏ qua khi xác định nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm. Điều tương tự cũng áp dụng cho vật liệu đóng gói và bao gói dùng để chuyên chở và vận chuyển hàng hóa. Mặt khác, nếu áp dụng phương pháp LVC cho sản phẩm, trị giá của vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ được coi là một phần cấu thành của hàng hóa và sẽ được tính đến khi xác định xuất xứ hàng hóa.

## 2. Thủ tục chứng nhận xuất xứ

Theo pháp luật Việt Nam, nhà xuất khẩu không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ("**GCNXXHH**"). Luật Quản lý ngoại thương quy định cụ thể rằng GCNXXHH sẽ chỉ được cấp nếu có yêu cầu của chính nhà nhập khẩu hoặc nếu có yêu cầu của pháp luật Việt Nam khác (không áp dụng). Trên thực tế, Thông tư 33 miễn yêu cầu nộp GCNXXHH cho cơ quan Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu trong quá trình thông quan.

Nghĩa là, một nhà xuất khẩu không bắt buộc phải có GCNXXHH để xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam ra nước ngoài. Tuy nhiên, trước khi thông quan, người xuất khẩu phải nộp đơn đề nghị xác định trước xuất xứ ("**Đơn đề nghị xác định trước**") với cơ quan Hải quan. Hồ sơ đăng ký Đơn đề nghị xác định trước bao gồm:

- Mẫu đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Thông tư 33;
- Bảng kê khai chi phí sản xuất và Bảng khai báo xuất xứ của nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu trong nước (theo mẫu quy định tại Thông tư 33), trong trường hợp

nguyên liệu, vật tư đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất hàng hóa, sản phẩm khác;

- Tài liệu giải trình quy trình sản xuất hoặc Giấy chứng nhận phân tích thành phần (nếu có); và
- Danh mục hoặc hình ảnh của hàng hóa/sản phẩm.

Cơ quan hải quan sẽ quyết định xem hàng hóa/sản phẩm có được xác định là có xuất xứ từ Việt Nam hay từ nước khác, hay không xác định được xuất xứ của hàng hóa, dựa trên các tài liệu được cung cấp trong Đơn đề nghị xác định trước do nhà xuất khẩu nộp. Nếu cơ quan Hải quan thấy các tài liệu cung cấp là đầy đủ thì không cần yêu cầu hoặc xác minh thêm. Mặt khác, sau khi xem xét các tài liệu, cơ quan Hải quan có thể tìm kiếm thêm bằng chứng, nếu nghi ngờ có hành vi gian lận. Trong trường hợp này, cơ quan hải quan có thể thực hiện kiểm tra và xác minh thêm tại địa điểm của nhà sản xuất. Trong trường hợp thông thường, quá trình kiểm tra, xác minh có thể mất đến 10 ngày làm việc và thêm năm ngày làm việc để cơ quan hải quan ban hành kết quả kiểm tra, xác minh. Trong thực tế, thời gian này có thể được kéo dài, tùy thuộc vào mức độ phức tạp của vụ việc. Lưu ý, thông quan có thể được xử lý đồng thời trong khi cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra, xác minh xuất xứ.

## C. QTXXHH ƯU ĐÃI

### 1. QTXXHH của CPTPP

#### *1.1. Quy tắc chung*

Chúng ta bắt đầu với CPTPP. Để thực hiện CPTPP, BCT đã ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019 hướng dẫn các QTXXHH quy định tại CPTPP. Thông thường, hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước thành viên khác của CPTPP sẽ được coi là có xuất xứ từ Việt Nam hoặc nước thành viên của CPTPP nếu hàng hóa đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a. hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hay nhiều Nước thành viên CPTPP khác: tương tự như QTXXHH của Việt Nam, trừ việc bổ sung trường hợp của phế thải, phế liệu được loại ra trong quá trình (i) sản xuất hoặc (ii) tiêu dùng một hoặc nhiều quốc gia thành viên CPTPP (với điều kiện phế thải, phế liệu đó chỉ phù hợp làm nguyên liệu), trong quy định về hàng hóa có xuất xứ thuần túy;

b. hàng hóa được sản xuất toàn bộ chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các nước thành viên CPTPP khác: trong trường hợp này, nguyên liệu có xuất xứ có thể bao gồm các nguyên liệu gián tiếp (mà không cần xét đến nơi sản xuất ở đâu), ví dụ: nguyên liệu được sử dụng trong sản xuất, thử nghiệm hoặc kiểm tra hàng hóa nhưng không còn nằm lại trong hàng hóa đó; hoặc nguyên liệu được sử dụng trong quá trình bảo dưỡng nhà xưởng hay để vận hành thiết bị có liên quan đến việc sản xuất hàng hóa (như: nhiên liệu, dụng cụ, thiết bị an toàn, v.v.) và hàng hóa có xuất xứ CPTPP (tức là hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ nhưng đủ điều kiện là hàng hóa có xuất xứ CPTPP theo Danh mục PSR); và

c. trong trường hợp hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ, các yêu cầu theo Danh mục PSR hiện hành của CPTPP sẽ được áp dụng, dưới hình thức chuyển đổi mã số hàng hóa (phương pháp CTC), hoặc trong trường hợp giá trị của sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các quốc gia thành viên CPTPP khác đáp ứng một tỷ lệ nhất định (tức là: quy tắc hàm lượng giá trị khu vực hoặc "**RVC**").

Nhìn chung, các quy tắc chung trên khá giống với QTXXHH Việt Nam và QTXXHH ưu đãi theo các FTA khác. Tất nhiên, có một số khác biệt giữa CPTPP và QTXXHH Việt Nam và QTXXHH Ưu Đãi khác trong một số quy tắc chi tiết nhất định. Chúng tôi thảo luận dưới đây một vài điểm khác biệt này.

(i). *Quy tắc De Minimis*: Tổng trọng lượng hoặc tổng giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi mã số hàng hóa không được vượt quá giới hạn 10%.[1]

(ii). *Danh sách PSR*: Danh sách PSR theo CPTPP cung cấp các tiêu chí xuất xứ đặc biệt áp dụng cho các loại hàng hóa cụ thể (ví dụ: sản phẩm dệt may, hàng hóa thu hồi/tái sản xuất, v.v.).[2] Đáng chú ý, CPTPP là FTA duy nhất mà Việt Nam là thành viên ký kết bao gồm một chương dệt may riêng và một Danh mục PSR riêng cho các sản phẩm dệt may. CPTTP đặt ra một quy tắc nghiêm ngặt đối với các sản phẩm dệt may, cụ thể là quy tắc "từ sợi trở đi" hoặc còn gọi là quy tắc "ba công đoạn".

(iii). QTXXHH đối với bộ hàng hóa: Hàng hóa được coi là có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các quốc gia thành viên CPTPP khác nếu tất cả hàng hóa trong bộ có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các quốc gia thành viên CPTPP khác; hoặc nếu tổng trị giá hải quan của hàng hóa trong bộ không phải là hàng hóa có xuất xứ CPTPP không vượt quá 10% trị giá hải quan của bộ hàng hóa.

(iv). QTXXHH cho hàng hóa thu hồi/tái sản xuất: Nói chung, vật liệu thu hồi được sử dụng trong sản xuất và kết hợp vào hàng hóa tái sản xuất được tính là nguyên liệu xuất xứ[3].

---

[1] Đối với hàng hóa không phải là sản phẩm dệt may thì yêu cầu CTC (tức là chuyển đổi mã số hàng hóa) được coi là đáp ứng nếu tổng giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ (được sử dụng trong sản xuất hàng hóa) không vượt quá 10% trị giá hải quan của hàng hóa.
Đối với hàng dệt may, yêu cầu CTC được coi là đáp ứng nếu tổng trọng lượng của nguyên liệu không có xuất xứ (được sử dụng trong sản xuất hàng hóa) không vượt quá 10% tổng trọng lượng của hàng hóa. Đối với ngoại lệ này, nếu hàng hóa có chứa sợi co giãn thì sợi co giãn đó phải được xe toàn bộ (hay wholly formed) tại Việt Nam hoặc các quốc gia thành viên CPTPP khác.

[2] Về cơ bản, quy tắc có nghĩa là tất cả các quy trình sản xuất và hoạt động hoàn thiện liên quan đến sợi co giãn hoặc hàng hóa/sản phẩm có chứa sợi co giãn (tức là toàn bộ quá trình sản xuất và công đoạn hoàn thiện, bắt đầu từ ép đùn sợi filament, dải, màng hoặc tấm, và bao gồm cả kéo căng sợi filament hoặc cắt màng hoặc tấm thành dải, hoặc công đoạn kéo các loại xơ thành sợi, hoặc cả hai, và cuối cùng thu được sợi thành phẩm (a finished yarn) hoặc sợi chập (plied yarn)) phải được thực hiện trong các quốc gia thành viên CPTPP. Tuy nhiên, CPTPP cung cấp một số miễn trừ linh hoạt nhất định đối với các sản phẩm dệt may, ví dụ: quy tắc De Minimisđối với hàng dệt may như đã đề cập ở trên; hoặc trong trường hợp một số nguyên liệu trong Danh mục nguồn cungthiếu hụt của CPTPP không phổ biến có sẵn tại Việt Nam hoặc các quốc gia thành viên CPTPP khác, bất kể nước xuất xứ trên thực tế của chúng, các nguyên liệu đó sẽ được coi là có xuất xứ tại Việt Nam hoặc (các) quốc gia thành viên CPTPP khác, với điều kiện đáp ứng một số yêu cầu nhất định về "mục đích sử dụng cuối cùng" theo CPTPP (ví dụ: nguyên liệu thiếu hụt phải còn nằm lại trong một sản phẩm cuối cùng cụ thể, để đủ điều kiện được miễn trừ này).

[3] Cụ thể, hàng hóa tái sản xuất sẽ được coi là hàng hóa có xuất xứ CPTPP nếu được phân loại theo một mã HS nhất định (ví dụ: bất kỳ mã HS nào từ Chương 84 đến Chương 90; và nhóm 94.02; trừ một số mã HS thuộc nhóm 84.18, 85.09, 85.10, 85.16 hoặc 87.03 hoặc các phân nhóm 8414.51, 8450.11, 8450.12, 8508.11 hoặc 8517.11); và đáp ứng các yêu cầu về hàng hóa (i) toàn bộ hoặc một phần là vật liệu thu hồi; (ii) có tuổi thọ tương tự và hoạt động giống như hoặc tương tự như hàng hóa mới được phân loại

(v). Công thức tính cho phương pháp RVC: Ngoài công thức tính trực tiếp và gián tiếp , CPTPP còn sử dụng các phương pháp khác, chẳng hạn như phương pháp giá trị tập trung (có tính đến giá trị của một số nguyên liệu không có xuất xứ cụ thể được sử dụng trong sản xuất hàng hóa) và phương pháp chi phí ròng (có tính đến chi phí ròng của một sản phẩm, thay vì giá trị hải quan của hàng hóa; và là một phương pháp kỹ thuật cao và chuyên biệt chỉ áp dụng cho một số hàng hóa cụ thể như ô tô).

(vi). Các khái niệm đáng chú ý khác: Tương tự như QTXXHH Việt Nam, các khái niệm như vận hành/quy trình đơn giản hoặc tối thiểu, vật liệu đóng gói và bao gói cũng được ghi nhận trong CPTPP. CPTPP còn ghi nhận các khái niệm khác khi xác định xuất xứ của hàng hóa, chẳng hạn như quá cảnh[4] hoặc cộng dồn[5].

Hãy xem ví dụ về bánh quy được đề cập ở trên. Nếu Công ty A xuất khẩu bánh quy từ Việt Nam sang Úc, QTXXHH ưu đãi theo CPTPP sẽ được áp dụng. Cụ thể, theo Danh mục PSR theo CPTPP, chỉ có thể sử dụng phương pháp CTC để xác định nguồn gốc sản phẩm bánh quy. Nghĩa là, việc thay đổi hàng hóa thuộc nhóm 19.05 (tức là mã HS 4 số của bánh quy) từ bất kỳ nhóm nào khác (của các nguyên liệu không có xuất xứ) là đủ để chứng nhận rằng sản phẩm có xuất xứ CPTPP. Trong ví dụ này, và tương tự như QTXXHH của Việt Nam, các loại bánh quy sẽ được các nhà chức trách Úc coi là có xuất xứ từ Việt Nam, vì đã xảy ra sự thay đổi từ mã HS 4 số của các nguyên liệu không có xuất xứ từ CPTPP: bột mì (1101) và trứng (0407), sang nhóm mã HS 1905.

### *1.2. Thủ tục chứng nhận xuất xứ*

Để yêu cầu thuế suất ưu đãi thuế hải quan theo CPTPP, cần có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ("**GCNXXHH**") cho hàng hóa tại thời điểm hàng hóa được nhập khẩu vào quốc gia thành viên CPTPP. Nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa có thể hoàn thành GCNXXHH bằng cách tự chứng nhận. Tức là một nhà xuất khẩu từ một quốc gia thành viên CPTPP được phép tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên các chứng từ thương mại của mình. Tuy nhiên, có một yêu cầu về thông tin tối thiểu phải xuất hiện trên tài liệu tự chứng nhận xuất xứ. Cơ quan Hải quan (của quốc gia xuất khẩu) sẽ

---

như vậy và không bao gồm bất kỳ vật liệu thu hồi nào; và (iii) có bảo hành tại nhà máy tương tự như bảo hành áp dụng cho hàng hóa mới.

[4] Ví dụ, đối với các quy tắc quá cảnh, hàng hóa sẽ không được coi là có xuất xứ từ các quốc gia thành viên CPTPP nếu hàng hóa được vận chuyển qua lãnh thổ của một hoặc nhiều không phải là thành viên và một trong hai hoặc cả hai điều sau đây xảy ra: (i) hàng hóa trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào nào trên lãnh thổ của một quốc gia không phải là thành viên (trừ bốc, dỡ hàng, chia tách lô hàng, lưu kho, dán nhãn hoặc đánh dấu hoặc bất kỳ hoạt động nào khác cần thiết để bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt hoặc vận chuyển hàng hóa đến nước nhập khẩu, v.v.); (ii) trong khi hàng hóa nằm trong lãnh thổ của một bên không phải là thành viên, hàng hóa không phải lúc nào cũng nằm dưới sự kiểm soát của cơ quan hải quan của nước không phải là thành viên. Nói cách khác, một hàng hóa/sản phẩm sẽ mất vị thế là hàng hóa có xuất xứ CPTPP nếu nó trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào hoặc hoạt động nào khác ở một quốc gia không phải là thành viên (ví dụ: Hoa Kỳ) trong khi trên đường từ Việt Nam đến các quốc gia thành viên CPTPP khác (ngoại trừ một số trường hợp miễn trừ nêu trên).

[5] Quy tắc cộng dồn theo CPTPP quy định rằng hàng hóa có xuất xứ hoặc nguyên liệu được sử dụng để sản xuất hàng hóa ở một quốc gia thành viên CPTPP khác sẽ đủ điều kiện là nguyên liệu xuất xứ nhằm mục đích xác định xem hàng hóa đó có phải là hàng hóa có xuất xứ CPTPP hay không. Ví dụ, hãy xem xét rằng một vài nguyên liệu đầu vào có xuất xứ từ một quốc gia thành viên CPTPP, cùng với các nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ(ví dụ, từ Trung Quốc), đã được sử dụng để tạo thành hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Hàng hóa Việt Nam sau đó được xuất khẩu sang Úc để sản xuất một sản phẩm khác. Trong trường hợp này, những nguyên liệu đầu vào của Trung Quốc được đưa vào sản xuất hàng hóa Việt Nam sẽ được coi như hàng hóa có nguồn gốc từ Việt Nam (miễn là hàng hóa Việt Nam đáp ứng các yêu cầu liên quan để được coi là hàng hóa có xuất xứ CPTPP theo Danh mục PSR).

xem xét thông tin về hồ sơ tự chứng nhận và hồ sơ hải quan và xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

### *1.3. Ngoại lệ Việt Nam*

Tuy nhiên, Việt Nam là một ngoại lệ đối với quy tắc tự chứng nhận. Theo CPTPP, một quốc gia thành viên CPTPP có thể chọn không tham gia quy tắc tự chứng nhận và yêu cầu GCNXXHH đối với hàng hóa xuất khẩu từ lãnh thổ của mình phải được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền mà họ lựa chọn hoặc bởi một nhà xuất khẩu được cơ quan đó phê duyệt. Việt Nam đã lựa chọn làm như vậy, do đó, một nhà xuất khẩu đã không thể áp dụng cơ chế tự chứng nhận kể từ khi CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam (tức là ngày 14/01/2019). Đối với Việt Nam, việc tự chứng nhận phụ thuộc vào một lộ trình nhất định. Theo đó, Việt Nam có thể chọn không tham gia cơ chế tự chứng nhận trong thời hạn không quá năm năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam, có thể kéo dài thêm năm năm (nhưng trong mọi trường hợp, tổng thời hạn không được vượt quá 12 năm). Do đó, hiện tại, hàng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP đang được cấp GCNXXHH do BCT cấp, chứ không phải bằng cách tự chứng nhận của các nhà xuất khẩu. Chứng nhận chính thức (bởi BCT) như vậy cũng có thể được coi là một lợi ích.

## 2. QTXXHH của EVFTA

### *2.1 Quy tắc chung*

Một số QTXXHH của EVFTA rất đặc biệt. Với mục đích nội luật hóa QTXXHH của EVFTA, BCT đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 (được sửa đổi bởi Thông tư số 41/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022) ("**Thông tư 11**"). Thông thường, hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang các thành viên EU được coi là có xuất xứ từ Việt Nam nếu hàng hóa đáp ứng một trong các tiêu chí xuất xứ chung sau:

a. hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại Việt Nam hoặc tại các nước thành viên EU: tương tự như QTXXHH của CPTPP, ngoại trừ việc bổ sung các định nghĩa chi tiết hơn về thuật ngữ "tàu" và "tàu chế biến" nhằm mục đích xác định các trường hợp "xuất xứ thuần túy" (ví dụ: bao gồm cả tàu/tàu chế biến thuộc sở hữu ít nhất một nửa của người/pháp nhân Việt Nam); và

b. trong trường hợp hàng hóa có xuất xứ không thuần túy tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU khác, các yêu cầu về " gia công hoặc chế biến đầy đủ" theo quy định tại Danh mục gia công hoặc chế biến bắt buộc theo EVFTA ("**Danh mục RWP**") sẽ được áp dụng đối với các nguyên liệu đó. Tương tự như Danh mục PSR, các yêu cầu trong Danh mục RWP xuất hiện dưới dạng yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa (phương pháp CTC), hoặc yêu cầu giá trị của sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các nước thành viên EU khác phải đáp ứng một tỷ lệ nhất định (phương pháp RVC). Ngoài ra, EVFTA đưa ra một loại yêu cầu khác trong Danh sách RWP của mình trong đó các nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua hoạt động gia công và chế biến cụ thể (tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU khác), hoặc sản phẩm phải được gia công hoặc chế biến từ một số nguyên liệu xuất xứ thuần túy.

Có sự tương đồng trong một số quy tắc chung về QTXXHH giữa EVFTA, CPTPP và luật pháp Việt Nam. Chúng tôi thảo luận dưới đây một số điểm khác biệt liên quan đến các quy tắc chi tiết nhất định.

(i). Công đoạn hoặc chế biến không đầy đủ: Tương tự như khái niệm "công đoạn gia công, chế biến đơn giản " theo QTXXHH Việt Nam, QTXXHH của EVFTA giới thiệu khái niệm "công đoạn hoặc chế biến không đầy đủ". Khái niệm này bao gồm các hoạt động đơn giản mà không cần kỹ năng đặc biệt hay máy móc, thiết bị hay công cụ được sản xuất hoặc lắp đặt chuyên dụng. Nếu một hàng hóa/sản phẩm chỉ trải qua các công đoạn gia công, chế biến đơn giản "đơn giản" hoặc tối thiểu tại Việt Nam thì sẽ không được coi là có xuất xứ từ Việt Nam.

(ii). Cộng dồn xuất xứ: Tương tự như QTXXHH của CPTPP, hàng hóa/sản phẩm được coi là có xuất xứ tại Việt Nam hoặc các nước thành viên EU khác nếu hàng hóa/sản phẩm đó có nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các nước thành viên EU khác (với điều kiện đáp ứng các yêu cầu về gia công hoặc chế biến không đầy đủ như đã đề cập ở trên). Một điểm khác biệt đáng chú ý giữa EVFTA và CPTPP là, đối với một số sản phẩm nhất định[6], EVFTA cho phép tính cộng dồn xuất xứ các sản phẩm đó ngay cả khi chúng có xuất xứ từ một quốc gia ASEAN có hiệp định thương mại ưu đãi với EU. Quy tắc cộng dồn xuất xứ tương tự áp dụng cho các loại vải có nguồn gốc từ Hàn Quốc[7] và một số sản phẩm dệt may nhất định được tạo thành từ các loại vải đó[8]. Ví dụ, trong trường hợp nguyên liệu Hàn Quốc được sử dụng để tạo thành các sản phẩm dệt may sản xuất tại Việt Nam, các nguyên liệu Hàn Quốc đó sẽ được coi là có xuất xứ từ Việt Nam (và sau đó là có xuất xứ từ EVFTA), mặc dù thực tế là Hàn Quốc không phải là thành viên EVFTA.

(iii). Danh mục RWP: Tương tự như Danh mục PSR của CPTPP, Danh sách RWP theo EVFTA cung cấp các tiêu chí xuất xứ đặc biệt áp dụng cho các loại hàng hóa cụ thể, như sản phẩm dệt may. Tuy nhiên, QTXXHH của EVFTA có phần linh hoạt hơn so với CPTPP. Ví dụ, đối với hầu hết các sản phẩm dệt may, một quy tắc ít nghiêm ngặt hơn là quy tắc "từ vải trở đi" hoặc quy tắc "hai công đoạn", thay vì quy tắc "ba công đoạn" của CPTPP được áp dụng rộng rãi hơn. Nói một cách đơn giản, vải được sử dụng để sản xuất hầu hết các sản phẩm dệt may phải có xuất xứ từ Việt Nam, để đủ điều kiện được coi là hàng hóa có xuất xứ theo EVFTA. Ngoài ra, theo Danh sách RWP, một số quy trình làm việc nhất định (ví dụ: đan, dệt hoặc cắt) được yêu cầu thực hiện tại Việt Nam hoặc tại EU đối với một số sản phẩm dệt may nhất định để được coi là có xuất xứ từ Việt Nam hoặc các nước thành viên EU.

(iv). Quy tắc hạn mức linh hoạt: Tương tự như *quy tắc De Minimis* theo QTXXHH Việt Nam hoặc QTXXHH của các FTA khác, *quy tắc hạn mức linh hoạt theo* EVFTA cho phép nhà sản xuất sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ thường bị cấm trong Danh

[6] Áp dụng cho các sản phẩm theo Phụ lục III của Nghị định thư 1 của EVFTA, bao gồm: mực nang sống, tươi hoặc ướp lạnh (mã HS 0307 41), bạch tuộc sống, tươi hoặc ướp lạnh (mã HS 0307 51).

[7] Điều này có thể áp dụng cho một quốc gia khác mà cả EU và Việt Nam đều có hiệp định thương mại ưu đãi, với điều kiện phải có sự chấp thuận của Ủy ban Hải quan được thành lập theo EVFTA.

[8] Áp dụng cho HS chương 61 và 62.

mục RWP, với điều kiện trọng lượng tịnh hoặc giá trị của nguyên liệu không có xuất xứ đó không vượt quá giới hạn tối đa nhất định (trong hầu hết các trường hợp, 10%).[9] Lưu ý, quy tắc hạn mức linh hoạt không thể được sử dụng để vượt quá bất kỳ ngưỡng giá trị tối đa nào của vật liệu không có xuất xứ được liệt kê trong Danh sách RWP[10].

Chúng ta hãy nhìn lại, một lần nữa, ví dụ về bánh quy được đề cập ở trên. Nếu Công ty A xuất khẩu bánh quy của mình từ Việt Nam sang Đức, các QTXXHH ưu đãi theo EVFTA sẽ được áp dụng. Cụ thể, theo Danh sách RWP theo EVFTA, việc thay đổi hàng hóa có mã HS thuộc nhóm 19.05 (tức là mã HS của bánh quy) từ bất kỳ nhóm nào khác (của các thành phần không có xuất xứ) là đủ để xác định là sản phẩm có xuất xứ theo EVFTA, với điều kiện:

- trọng lượng của nguyên liệu từ Chương 2, 3 và 16 được sử dụng trong sản phẩm không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng;
- trọng lượng của nguyên liệu thuộc nhóm 1006 và 1101 đến 1108 được sử dụng trong sản phẩm không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng;
- trọng lượng riêng lẻ của nguyên liệu từ Chương 4 được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng;
- trọng lượng riêng lẻ của đường được sử dụng trong sản phẩm không vượt quá 40% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; và
- tổng trọng lượng kết hợp của đường và nguyên liệu từ Chương 4 được sử dụng trong sản phẩm không vượt quá 50% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng.

Trong ví dụ này, bánh quy của Công ty A sẽ được cơ quan chức năng Đức coi là có xuất xứ từ Việt Nam, nếu:

- trọng lượng bột mì (mã HS 1101) sử dụng (trong sản phẩm cuối cùng) không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng; và
- trọng lượng trứng (mã HS 0407) được sử dụng (trong sản phẩm cuối cùng) không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng.

### *2.2 Thủ tục chứng nhận xuất xứ*

Để các sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam được hưởng lợi từ EVFTA, bằng chứng xuất xứ hợp lệ của sản phẩm phải được chứng minh tại điểm nhập khẩu tại EU. Do Việt Nam chưa thông báo cho EU về việc áp dụng tờ khai xuất xứ của một nhà xuất khẩu được pháp luật Việt Nam chấp thuận hoặc đăng ký, các chứng minh xuất xứ hiện đang

[9] Cụ thể, đối với các sản phẩm thuộc HS Chương 2 và từ Chương 4 đến Chương 24 (trừ các sản phẩm thủy sản chế biến trong HS Chương 16), giới hạn tối đa là 10% trọng lượng của sản phẩm hoặc 10% giá xuất xưởng (tức là giá mà người mua đã trả cho một sản phẩm khi nó rời khỏi nhà máy, nói chung bao gồm giá trị của tất cả các nguyên liệu được sử dụng và tất cả các chi phí khác liên quan đến sản xuất của nó. trừ đi bất kỳ khoản thuế nội bộ nào, hoặc có thể được hoàn trả khi sản phẩm cuối cùng được xuất khẩu).
Đối với các sản phẩm khác (trừ sản phẩm dệt may theo HS Chương 50 đến 63), hạn mức tối đa là 10% giá xuất xưởng.
Đối với các sản phẩm dệt may trong HS Chương 50 đến 63, dung sai chi tiết hơn được áp dụng tùy thuộc vào từng loại sản phẩm (dung sai từ 8% đến 30%).

[10] Nếu Danh sách RWP cho phép tối đa 40% nguyên liệu không có xuất xứ của giá xuất xưởng của sản phẩm, đây là giới hạn được áp dụng chứ không phải 40% + 10% (dung sai).

áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ tại Việt Nam là:

- Giấy chứng nhận di chuyển EUR.1 (tức là giấy chứng nhận xuất xứ được lập theo Điều 16 (Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ) đến Điều 18 (Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ bản sao của EVFTA) do BCT cấp. Nhà xuất khẩu Việt Nam phải nộp đơn xin giấy chứng nhận điện tử, cung cấp tất cả các tài liệu hỗ trợ cần thiết. Sau đó, giấy chứng nhận được in, đóng dấu và ký thủ công và cung cấp cho nhà xuất khẩu. Nhà xuất khẩu cũng sẽ ký giấy chứng nhận theo cách thủ công, vì chữ ký điện tử không được cơ quan hải quan EU công nhận (theo hướng dẫn của EU). Chứng nhận di chuyển EUR.1 sau khi được hoàn tất sẽ trông giống như một chứng nhận truyền thống (mà không phải là chứng nhận điện tử) và sẽ có thời hạn 12 tháng; hoặc
- Trong trường hợp lô hàng có tổng giá trị từ 6.000 EUR trở xuống, tờ khai xuất xứ được lập bởi nhà xuất khẩu (trên mẫu tiêu chuẩn theo Thông tư 11). Trong trường hợp đó, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của mình. Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày tự chứng nhận, doanh nghiệp xuất khẩu có trách nhiệm báo cáo và niêm yết các chứng từ tự chứng nhận và các chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu (ví dụ: hóa đơn, phiếu xuất kho và các chứng từ thương mại khác có liên quan...) trên Cổng thông tin điện tử về xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (tức là tại trang thông tin điện tử sau đây: www.ecosys.gov.vn).

## D. KẾT

Việt Nam đã có những nỗ lực to lớn trong việc thiết lập khung pháp lý về xuất xứ hàng hóa, không chỉ trong nước mà còn bằng cách ký kết nhiều FTA với hầu hết các đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam và đồng thời là các nền kinh tế lớn nhất trên thế giới, trong đó có các FTA "thế hệ mới" như CPTPP và EVFTA. Nhờ đó, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam hiện có thể được xóa bỏ thuế quan tại hơn 50 quốc gia, chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Nhờ đó, ngành xuất khẩu Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng. Đơn cử như trong giai đoạn 5 năm đầu tiên thực hiện CPTPP, xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số, đạt 53,6 tỷ USD vào năm 2023 (với mức tăng 17,3% so với cùng kỳ năm ngoái). Tương tự, sau 4 năm triển khai EVFTA, tổng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang EU tăng gần 50%, đưa Việt Nam trở thành đối tác thương mại hàng đầu của EU trong số các nước ASEAN. Theo Tổng cục Hải quan, trong tám tháng đầu năm 2024, xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 34,14 tỷ USD (tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2023). Mặc dù đạt được sự tăng trưởng theo cấp số nhân, chính quyền địa phương và các chuyên gia ước tính rằng đó vẫn chưa phải là tiềm năng đầy đủ của Việt Nam vì vẫn bị cản trở bởi sự thiếu kiến thức của các nhà xuất khẩu Việt Nam về các quy tắc và tiêu chí cụ thể về QTXXHH, và về khả năng chuyển đổi sản xuất (từ Trung Quốc) để đáp ứng các quy tắc đó.

Nền tảng đã được gầy dựng và lợi ích là rõ ràng. Đã đến lúc các nhà xuất khẩu Việt Nam tận dụng các FTA này bằng cách chủ động tận dụng các QTXXHH Ưu Đãi theo các FTA lớn nhất hiện có mà Việt Nam là thành viên.